

# Nâng cao hiệu quả của diễn giải môi trường trong du lịch thăm động vật hoang dã: nghiên cứu trường hợp Vườn Quốc gia Cát Tiên

Ngô Việt Anh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

## Enhancing the effectiveness of environmental interpretation in wildlife tourism: a case study of Cat Tien national park

Ngo Viet Anh

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuh.12.6.2023.066-075>

### TÓM TẮT

Vườn Quốc gia Cát Tiên là một trong những vườn quốc gia tại Việt Nam đã phát huy tốt các tiềm năng, khai thác các giá trị, vẻ đẹp cảnh quan, tài nguyên thiên nhiên, phát triển loại hình du lịch thăm động vật hoang dã, đồng thời thông qua hoạt động du lịch sinh thái góp phần vào công tác bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và bảo tồn các loài động vật hoang dã nói riêng. Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên phân tích hiện trạng về diễn giải môi trường của Vườn Quốc gia Cát Tiên thông qua việc sử dụng các phương pháp thu thập tài liệu, điền dã và phỏng vấn sâu với các đối tượng là cán bộ quản lý Vườn và khách du lịch. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, diễn giải môi trường có những vai trò tích cực trong hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã tại Vườn quốc gia Cát Tiên, trong đó hỗ trợ công tác quản lý, giáo dục nhận thức cho khách du lịch, nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách du lịch. Ngoài ra, nghiên cứu đề xuất các định hướng trong nâng cao hiệu quả của diễn giải môi trường trong phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Cát Tiên nói riêng và các vườn quốc gia ở Việt Nam nói chung.

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 22/09/2023

Ngày phản biện: 26/10/2023

Ngày quyết định đăng: 17/11/2023

### Từ khóa:

diễn giải môi trường, du lịch thăm động vật hoang dã, Việt Nam, Vườn quốc gia Cát Tiên.

### ABSTRACT

The Cat Tien National Park is one of the national parks in Vietnam that has effectively harnessed its potential, exploited the values, scenic beauty, natural resources, and developed wildlife tourism. Simultaneously, ecotourism activities contributed to the biodiversity conservation efforts in general, and the preservation of wildlife species in particular. This research was conducted upon an analysis of the current environmental interpretation in Cat Tien National Park, achieved through the use of data collection methods, field surveys, and interviews with the park management staff and tourists. The research results indicate that environmental interpretation plays a positive role in wildlife tourism activities at the National Park, including supporting management efforts, enhancing visitor awareness, and improving the experiences and satisfaction of wildlife tourists. Additionally, the study proposes directions for enhancing the effectiveness of environmental interpretation in the development of eco-tourism at Cat Tien National Park, and other national parks across Vietnam.

### Keywords:

Cat Tien National Park, environmental interpretation, Vietnam, wildlife tourism.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch thăm động vật hoang dã là một trong những định hướng phát triển bền vững, mang lại những hiệu quả tích cực trong công tác bảo tồn động vật hoang dã ở nhiều vườn quốc gia, khu bảo tồn trên thế giới. Việc phát triển du lịch thăm động vật hoang dã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm, gia tăng doanh thu, tuy nhiên cũng có không ít những tác động tiêu cực đến động vật

hoang dã, công tác bảo vệ và bảo tồn các loài động vật. Một trong những vấn đề quan trọng trong phát triển du lịch thăm động vật hoang dã là hoạt động diễn giải môi trường.

Freeman Tilden cho rằng: “Một hoạt động giáo dục diễn giải rõ các ý nghĩa và mối quan hệ trong môi trường thông qua sử dụng các đối tượng có thật, sự tiếp xúc trực tiếp và các phương tiện minh họa, hơn là chỉ đơn giản cung cấp thông tin sát thực” [1]. Diễn giải đơn giản

là một cách tiếp cận truyền thông. Xét ở góc độ cơ bản này thì đó chính là diễn giải. Diễn giải môi trường là quá trình quá trình hoạt động chuyển từ một ngôn ngữ chuyên ngành môi trường hoặc các lĩnh vực liên quan sang dạng ngôn ngữ và ý tưởng mà những người bình thường không hoạt động trong lĩnh vực môi trường cũng có thể hiểu được [2].

Vườn Quốc gia (VQG) Cát Tiên được thành lập năm 1992 nhằm bảo tồn khu rừng tự nhiên có giá trị đa dạng sinh học cao hàng đầu tại Việt Nam. Nằm trên diện tích 71.187,9 ha, với địa hình đa dạng, xen kẽ, đan xen núi, sông, các bàu nước, VQG Cát Tiên có nhiều sinh cảnh rừng khác nhau như rừng thường xanh nguyên sinh và thứ sinh khác nhau. VQG Cát Tiên có tài nguyên động vật rất phong phú và đa dạng với khoảng 1.729 loài động vật thuộc 238 họ, 51 bộ, trong đó lớp Thú có 96 loài thuộc 30 họ, 11 bộ; lớp Chim có 343 loài thuộc 68 họ, 20 bộ; lớp Bò sát có 94 loài thuộc 16 họ, 3 bộ... [3]. Với các sản phẩm du lịch thăm động vật hoang dã hấp dẫn như các tour đêm, tour xem thú, chương trình giáo dục môi trường... VQG Cát Tiên luôn là điểm đến thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Việc thực hiện diễn giải môi trường đã đạt nhiều kết quả thành công, tuy nhiên thực trạng hiệu quả của diễn giải môi trường trong du lịch thăm động vật hoang dã ở VQG Cát Tiên còn nhiều hạn chế. Do vậy, để nâng cao hiệu quả của công tác này, cần có những định hướng trọng tâm trong phát triển diễn giải môi trường mang lại các lợi ích về quản lý, nâng cao nhận thức về bảo tồn động vật hoang dã, bảo vệ thiên nhiên trong VQG Cát Tiên.

## **2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp thu thập tài liệu và phương pháp điền dã. Với phương pháp thu thập tài liệu, nhóm tác giả tập trung thu thập các tài liệu sơ cấp liên quan đến lý luận, thực tiễn diễn giải môi trường và du lịch thăm động vật hoang dã trong các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên. Cụ thể các tài liệu là các bài viết, bài nghiên cứu, công trình khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu về diễn giải môi trường và phát triển du lịch thăm động vật hoang dã. Ngoài ra, tác giả cũng thu thập các nguồn tài liệu của VQG Cát Tiên như các báo cáo du lịch sinh thái, báo cáo nghiên cứu khoa học, điều tra đa dạng sinh học, đề án phát

triển du lịch sinh thái VQG Cát Tiên để làm cơ sở xây dựng nội dung bài viết.

Bên cạnh đó nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp điền dã với các kỹ thuật như quan sát, phỏng vấn, tham vấn... tại VQG Cát Tiên. Theo đó, tác giả đã thực hiện phương pháp điền dã tại các điểm Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ, Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã, Vườn thực vật, Cây Tung cổ thụ, Bàu Sáu. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp phỏng vấn, tham vấn được sử dụng để thu thập thông tin từ các đối tượng bao gồm Ban quản lý VQG Cát Tiên, khách du lịch. Trong đó, tác giả đã phỏng vấn 20 cán bộ VQG Cát Tiên bao gồm 04 cán bộ của Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ, 01 cán bộ phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, 15 cán bộ kiểm lâm tại các Trạm Cơ động, Đắc Lua, C10, Đa Bông Kua và 120 khách du lịch nội địa đến tham quan tại VQG Cát Tiên. Tác giả đã thực hiện phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp thông qua công cụ Google Form trong thời gian từ tháng 1/2023 đến tháng 5/2023. Tất cả dữ liệu thu thập được, tác giả sử dụng ghi chép, ghi âm và chuyển hoá thông tin sang văn bản được lưu trên máy tính. Sau thu thập được dữ liệu, tác giả tiến hành phân tích dữ liệu bằng công cụ Excel.

## **3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

### **3.1. Tổng quan về du lịch thăm động vật hoang dã và vai trò của diễn giải môi trường**

Du lịch thăm động vật hoang dã (Wildlife tourism) là một loại hình đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực du lịch [4]. Du lịch thăm động vật hoang dã bao gồm các hoạt động trải nghiệm với các loài động vật chưa được thuần hoá (hoang dã), trong môi trường tự nhiên hoặc trong điều kiện nuôi nhốt (vườn thú, thủy cung) [5]. Du lịch thăm động vật hoang dã đề cập đến việc quan sát và tương tác với đời sống động thực vật địa phương trong môi trường sống tự nhiên của chúng [6]. Theo đó, du lịch thăm động vật hoang dã bao gồm các hoạt động trải nghiệm như du lịch sinh thái, du lịch safari, và du lịch núi cùng nhiều hoạt động trải nghiệm khác. Du lịch quan sát động vật hoang dã chủ yếu diễn ra ở các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên. Du lịch thăm động vật hoang dã được coi như một cách thức phát triển kinh tế bền vững cho cộng đồng địa phương, đồng thời hỗ trợ bảo tồn động vật hoang dã [7-9]. Theo Tổ chức Du lịch

thế giới (UNWTO), có 7% hoạt động du lịch thể giới liên quan đến du lịch thăm động vật hoang dã, tăng trưởng hàng năm trung bình khoảng 3% [6]. Du lịch thăm động vật hoang dã góp phần tạo ra khoảng 21,8 triệu việc làm trực tiếp hoặc gián tiếp trên toàn thế giới và chiếm 6,8% tổng số việc làm trong ngành du lịch và lữ hành trên toàn thế giới. Du lịch thăm động vật hoang dã chiếm thị phần cao ở các thị trường du lịch trên thế giới như ở châu Phi chiếm 36,3%, châu Mỹ Latinh chiếm 8,6%, châu Á – Thái Bình Dương chiếm 5,8%, Bắc Mỹ chiếm 2% ,và ở châu Âu chiếm 1,6% [10].

Du lịch thăm động vật hoang dã có những tác động tích cực như thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong bảo vệ động vật hoang dã và môi trường sống của chúng, hỗ trợ về tài chính cho các khu bảo tồn, đồng thời giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch về động vật hoang dã [11,12]. Bên cạnh những tác động tích cực về kinh tế, du lịch thăm động vật hoang dã cũng có những tác động tiêu cực. Sự gia tăng lượng khách du lịch cùng với các hoạt động, hành vi của du khách gây nên sự xáo trộn đối với đời sống của động vật hoang dã [13,14]. Những tác động của con người trong quá trình thăm động vật hoang dã như đến gần động vật, gây tiếng động lớn (la hét), di chuyển (xe cộ), sẽ gây ảnh hưởng đến các loài động vật cả về tinh thần và thể chất [14]. Các tác động tiêu cực lâu dài có thể gây nên những mối đe dọa, tổn thương đến động vật hoang dã [14, 15].

Diễn giải trong du lịch thăm động vật hoang dã nhằm mục đích kích thích sự quan tâm, thúc đẩy sự học hỏi, hướng dẫn du khách có hành vi phù hợp với du lịch bền vững và khuyến khích sự thích thú đối với động vật hoang dã [5]. Tilden (1997) là người đầu tiên đề cập đến thuật ngữ “diễn giải” và định nghĩa nó là một hoạt động giáo dục nhằm mục đích bộc lộ ý nghĩa và mối quan hệ thông qua các phương tiện minh họa thay vì chỉ đơn giản để truyền đạt thông tin thực tế. Ngoài ra, diễn giải còn là một hình thức giao tiếp thuyết phục, trong đó có mục đích khuyến khích sự phát triển của nhận thức về bảo tồn. Hơn nữa, diễn giải khác với giáo dục môi trường ở chỗ, diễn giải cung cấp một cách không chính thức cho du khách kích thích sự thích thú của họ [2,16,17]. Diễn giải theo nghĩa rộng đề cập đến các hoạt động giáo dục được sử

dụng ở những nơi như vườn thú, bảo tàng, khu di sản, các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn để cho du khách biết đến tầm quan trọng hoặc ý nghĩa của những gì họ đang trải qua [5]. Mặt khác, việc diễn giải có thể nâng cao nhận thức bảo tồn hoặc cải thiện, thay đổi hành vi của du khách [18-21].

Diễn giải là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự bền vững trong phát triển hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã; diễn giải đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, đồng thời tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho cộng đồng địa phương [22]. Có ba khía cạnh chính liên quan đến diễn giải và phát triển du lịch động vật hoang dã bền vững [5]. *Thứ nhất*, diễn giải có thể là một phương tiện để quản lý các tương tác giữa khách du lịch và động vật hoang dã. Yếu tố diễn giải mang tính giáo dục là rất quan trọng trong việc cung cấp cho du khách thông tin về ứng xử theo cách giảm thiểu các tác động đến động vật hoang dã [23, 24]. *Thứ hai*, diễn giải mang tính giáo dục, giúp nâng cao nhận thức của khách du lịch về động vật hoang dã và môi trường sống, từ đó du khách có ý thức và hành động trong việc bảo tồn động vật hoang dã [25]. *Thứ ba*, chất lượng của diễn giải có thể nâng cao sự hài lòng của khách du lịch, thông qua đó có thể góp phần vào tăng hiệu quả kinh doanh du lịch [2, 24].

#### **Hỗ trợ quản lý hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã**

Du lịch có thể gây nên nhiều xáo trộn trong hoạt động sống và tập tính tự nhiên của các loài động vật hoang dã. Du lịch có thể làm gián đoạn quá trình di chuyển, kiếm ăn, sinh sản, thậm chí tác động dẫn đến thay đổi nơi cư ngụ của các loài động vật hoang dã. Khách du lịch di chuyển quá đông gần các loài động vật với mục đích xem và chụp ảnh, các loài động vật hoang dã nhận biết được sự hiện diện của con người và có thể làm thay đổi hành vi, thói quen và gây căng thẳng cho chúng. Mặc dù, việc diễn giải đơn thuần có thể không đủ để khuyến khích các hành vi phù hợp với động vật hoang dã nhưng đó vẫn là điều chắc chắn cần có và nên làm ở mỗi điểm đến [26]. Vì vậy, một vai trò quan trọng của diễn giải là thông báo cho khách du lịch có những hành vi ứng xử phù hợp với động vật hoang dã, thông báo về những điều nên và không nên thực hiện khi thăm quan động vật hoang dã [5]. Từ đây, diễn giải hỗ trợ một phần trong công tác

quản lý hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã, các nhà quản lý có thể quản lý tốt hơn sự tương tác giữa khách du lịch và động vật hoang dã một cách hiệu quả và bền vững hơn.

*Giáo dục nhận thức cho khách du lịch về bảo tồn động vật hoang dã*

Nhiều nghiên cứu cho rằng việc diễn giải tập trung vào những thay đổi trong nhận thức hoặc thay đổi hành vi làm thước đo kết quả [5]. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận rằng, diễn giải mang tính giáo dục cao trong thay đổi quan điểm và hành vi của khách du lịch trong vấn đề bảo tồn động vật hoang dã. Nghiên cứu về động vật hoang dã bị nuôi nhốt của White và Jacobson (1994), cho rằng diễn giải và sự thay đổi nhận thức có mối liên hệ mật thiết và nhận thức của khách du lịch tăng lên trong quá trình thăm động vật hoang dã tại các sở thú, công viên động vật. Có thể khẳng định rằng, diễn giải hay giáo dục môi trường có những tác động trong thay đổi nhận thức và hành vi của khách du lịch thông qua những chương trình thăm động vật hoang dã có sự diễn giải về môi trường [27].

*Nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách du lịch thăm động vật hoang dã*

Chương trình diễn giải được thực hiện một cách hiệu quả là yếu tố tạo nên sự thỏa mãn, hài lòng và thích thú cho khách du lịch [28]. Các yếu tố liên quan đến diễn giải như thông tin về các loài động vật, các chương trình giáo dục môi trường, hệ thống biển báo, diễn giải thông tin luôn là những yếu tố quan trọng trong đánh giá sự hài lòng của khách du lịch trong nhiều nghiên cứu. Foxlee (1999) trong nghiên cứu về hoạt

động du lịch ngắm cá voi ở vịnh Hervey, Úc cho rằng các thông tin về cá voi, thông tin về các sinh vật biển cùng với cách trình bày, diễn giải là các yếu tố làm cho khách du lịch hài lòng khi trải nghiệm hoạt động ngắm cá voi ở vịnh Hervey [29]. Bên cạnh đó, các yếu tố liên quan đến hướng dẫn viên, nhân viên bán vé, các màn hình diễn giải, video, hình ảnh, các biển báo chỉ dẫn... là những yếu tố quan trọng trong trải nghiệm và ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách du lịch [30].

### 3.2. Thực trạng du lịch thăm động vật hoang dã ở VQG Cát Tiên

Du khách khi đến VQG Cát Tiên sẽ có cơ hội tận mắt chứng kiến các loài động vật hoang dã trong môi trường tự nhiên như những điểm xem thú hoang dã nổi tiếng ở các nước châu Phi. Các loài cụ thể như: bò tót, nai, chà vá chân đen, vượn đen má vàng, cu li nhỏ, heo rừng, các loài chim rất đẹp như công, trĩ, gà so cổ hung... Đặc biệt, VQG Cát Tiên có nhiều loài khá phong phú về số lượng cá thể mà rất ít các nơi khác ở Việt Nam có được như quần thể voi châu Á, quần thể bò tót. Ngoài các loài động vật hoang dã trong tự nhiên, du khách còn có thể được quan sát trực tiếp các loài động vật khác cũng đang được cứu hộ tại các trung tâm cứu hộ của VQG Cát Tiên như trung tâm gấu, trung tâm cứu hộ linh trưởng. Hiện nay, các sản phẩm du lịch liên quan đến du lịch thăm động vật hoang dã ở VQG Cát Tiên được đánh giá là khá hấp dẫn ở Việt Nam với các trải nghiệm, tương tác giữa du khách và động vật hoang dã (Bảng 1).

**Bảng 1. Các sản phẩm du lịch thăm động vật hoang dã tại VQG Cát Tiên**

TT	Sản phẩm	Hiện trạng	Giá dịch vụ
1	Xem thú đêm	Sản phẩm được nhiều khách du lịch ưa thích với mức không chế 180 khách/ngày	120.000 - 150.000 - 200.000 - 300.000 - 500.000 VNĐ tùy theo nhóm khách
2	Xem vượn	Sản phẩm hấp dẫn nhưng hạn chế lượng khách tham quan, nhóm 4 khách	900.000 VNĐ/khách
3	Xem chim	Sản phẩm rất hấp dẫn khách quốc tế, nhóm 5-7 khách	Chi thu phí camera chuyên nghiệp, 150.000 VNĐ/ngày
4	Tham quan Bàu Sâu	Sản phẩm được nhiều khách du lịch ưa thích nhưng do nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt nên hạn chế lượng khách qua đêm chỉ 20	250.000 VNĐ/khách tham quan
5	Tham quan Khu cứu hộ trung tâm	Hoạt động được yêu thích và có giá trị giáo dục cao. Mỗi ngày có 4 chuyến thăm quan, mỗi chuyến kéo dài 1 tiếng.	20.000 - 40.000 VNĐ/trẻ em và người lớn nội địa 40.000 - 120.000 VNĐ/trẻ em và người lớn quốc tế

Nguồn: Ban Quản lý VQG Cát Tiên, 2021

Với những sản phẩm du lịch thăm động vật hoang dã hấp dẫn cùng các dịch vụ bổ trợ đa dạng, trong nhiều năm qua, hoạt động du lịch nói chung và du lịch thăm động vật hoang dã nói riêng ở VQG Cát Tiên đã đạt thành tựu to lớn. Trong giai đoạn từ năm 2015-2020, số lượng khách tham quan và doanh thu từ du lịch của VQG Cát Tiên liên tục tăng trưởng ổn định. Năm 2019, lượt khách du lịch đến VQG Cát Tiên đạt 51.685 lượt khách trong đó có 39.326 lượt khách nội địa và 12.359 lượt khách quốc

tế, doanh thu đạt gần 12 tỷ đồng. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, lượng khách du lịch đến VQG Cát Tiên giảm mạnh, cả năm Vườn quốc gia chỉ đón được 40.224 lượt khách trong đó khách nội địa là 35.140 lượt khách, khách quốc tế 5.084 lượt khách, đạt doanh thu 7,7 tỷ đồng. Mức tăng trưởng trung bình cho cả thị trường khách nội địa và quốc tế khoảng 18%/năm, đây là mức tăng trưởng cao so với hầu hết các Vườn quốc gia ở Việt Nam (Bảng 2).

**Bảng 2. Thống kê lượng khách du lịch và doanh thu du lịch từ năm 2015-2020**

Năm	Lượt khách			Doanh thu (1.000 đồng)		
	Nội địa	Quốc tế	Cộng	Nội địa	Quốc tế	Cộng
2015	20.139	6.525	26.664	4.194.515	4.318.976	8.513.491
2016	24.494	7.962	32.456	4.640.695	4.578.810	9.219.505
2017	27.341	9.299	36.640	5.238.704	5.117.985	10.356.689
2018	33.247	10.172	43.419	5.812.330	5.754.393	11.566.723
2019	39.326	12.359	51.685	7.557.379	5.119.460	12.676.839
2020	35.140	5.084	40.224	6.203.000	1.573.000	7.776.000
<b>Tổng</b>	<b>179.687</b>	<b>51.401</b>	<b>231088</b>	<b>33.646.623</b>	<b>26.462.624</b>	<b>60.109.247</b>

*Nguồn: Ban quản lý VQG Cát Tiên, 2021*

Dựa trên nguồn tài nguyên động vật hoang dã phong phú là lợi thế của Vườn, VQG Cát Tiên đã xây dựng và cung cấp các dịch vụ liên quan đến tham quan, trải nghiệm gắn với các loài động vật hoang dã. Các sản phẩm và dịch vụ như hướng dẫn, lưu trú, ăn uống có doanh thu cao trong kinh doanh phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

Có thể thấy rằng, doanh thu đến từ các dịch vụ như xem thú, xem gấu, xem vượn... là những hoạt động du lịch liên quan đến động vật hoang dã được đông đảo khách du lịch quan tâm, mang lại nguồn doanh thu đáng kể cho VQG Cát Tiên. Doanh thu từ các hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã liên tục tăng qua các năm, từ năm 2016-2019, đến năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, doanh thu từ hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã đã giảm. Về cơ cấu doanh thu, lợi nhuận thu được từ các hoạt động du lịch trong vườn chủ yếu đến từ các hoạt động bán vé tham quan vào Vườn (23%), dịch vụ vận chuyển khách (17%), dịch vụ lưu trú (18%),

hoạt động xem Gấu (10%), hoạt động xem Vượn (4%)...

**3.3. Thực trạng diễn giải môi trường trong du lịch thăm động vật hoang dã ở VQG Cát Tiên**

Để phát triển hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã, VQG Cát Tiên đã và đang thực hiện nhiều hơn công tác diễn giải trong công tác bảo vệ tài nguyên rừng nói chung và bảo vệ môi trường nói riêng. Đồng thời, công tác diễn giải về động vật hoang dã cũng được VQG Cát Tiên đặc biệt quan tâm. VQG Cát Tiên xác định những đối tượng trọng tâm để triển khai tuyên truyền và giáo dục là khách tham quan du lịch và cộng đồng người dân sống trong vùng đệm của Vườn quốc gia. Từ đó, chủ động tuyên truyền trực tiếp cho khách tham quan du lịch thông qua hướng dẫn viên, hệ thống bảng giới thiệu, nội quy và chỉ dẫn trong Vườn, giám sát hoạt động du lịch qua hướng dẫn viên và tài liệu giới thiệu thăm quan, tờ rơi... được đặt ở các điểm du lịch mà du khách đến tham quan. Hiện

nay, VQG Cát Tiên đã bố trí hệ thống bảng giới thiệu, nội dung, chỉ dẫn và cảnh báo ở một số địa điểm tham quan trong khu vực VQG Cát

Tiên với nhiều hình thức và nội dung đa dạng và phong phú (Bảng 3).

**Bảng 3. Hiện trạng các bảng giới thiệu, nội quy, chỉ dẫn và cảnh báo tại VQG Cát Tiên**

TT	Loại thông tin	Số lượng	Vị trí đặt	Thiết kế/Vật liệu
<b>Giới thiệu chung</b>				
1	Bảng giới thiệu chung về VQG	1	Trung tâm diễn giải môi trường	
2	Bảng sơ đồ tuyến điểm du lịch	2	Khu Trung tâm hành chính	Tôn và hộp kính có gắn điện
3	Bảng giá vé tuyến, điểm, tour du lịch	1	Quầy vé	Đề can
4	Bảng giới thiệu chung về từng điểm thăm quan			
5	Bảo tàng tự nhiên	1	Cổng vào	Gỗ
6	Khu cứu hộ trung tâm	1	Cổng vào	Gỗ
7	Khu du lịch Bến Cự	1	Trung tâm hành chính	Tôn
8	Cây Tung, cây Gõ	1	Cổng vào	Gỗ
9	Điểm du lịch Núi Tượng	1	Cổng vào	Gỗ
10	Điểm du lịch Bàu Sáu	2	1 ở cổng vào và 1 tại Trung tâm hành chính	Gỗ, Tôn
11	Khu cứu hộ linh trưởng Đảo Tiên	1	Cổng vào	
12	Khu cứu hộ Gấu	1	Cổng vào	
<b>Quy định với khách du lịch</b>				
1	Bảng nội quy định về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học	1	Trung tâm hành chính	
2	Bảng nội quy về bảo vệ môi trường tại từng điểm thăm quan			
3	Quy tắc ứng xử văn minh du lịch (Do and Don't) 2 điểm tại quầy bán vé và bến phà			Chưa có thống kê
4	Quy tắc ứng xử văn minh tại khu du lịch cộng đồng			
<b>Thông tin về cảnh báo</b>				
1	Bảng cảnh báo, cắm vào địa phận bảo vệ nghiêm ngặt	15	Tại các điểm riêng biệt	Tôn
2	Bảng nội quy về PCCC tại các tuyến điểm	1	Trung tâm hành chính	Tôn
3	Biển cảnh báo cháy rừng	20	Trên các tuyến đường	Tôn
<b>Thông tin về chỉ dẫn</b>				
1	Bảng chỉ dẫn hướng đi tới tuyến, điểm du lịch			Chưa có thống kê: 11 bằng gỗ, tôn

Nguồn: Ban quản lý VQG Cát Tiên, 2021

Ngoài hệ thống bảng biển chỉ dẫn thông tin, VQG Cát Tiên đã xây dựng nhiều tài liệu cung cấp thông tin thăm quan, hướng dẫn du lịch tại VQG Cát Tiên. Cụ thể, VQG Cát Tiên đã phát hành 10.000 bản đồ tuyến điểm tham quan (giấy

và điện tử); 10.000 tờ rơi giới thiệu điểm/tuyến tham quan; 300 cuốn sổ tay giới thiệu (Booklet Cat Tien 2021), 550 cuốn sách ảnh (ATLAS VQG Cát Tiên [31]). Trong nhiều năm qua, việc thực hiện công tác diễn giải tại VQG Cát Tiên

đã mang lại những hiệu quả tích cực trong công tác giáo dục môi trường nói chung và hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã nói riêng.

### **Hỗ trợ công tác quản lý hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã**

Diễn giải môi trường là một công cụ rất quan trọng đối với bất kỳ Vườn quốc gia nào. Tuy nhiên, lĩnh vực nghiên cứu này chưa nhận được sự quan tâm của các nhà quản lý các Vườn quốc gia ở Việt Nam [30]. Diễn giải tại VQG Cát Tiên đã góp phần quan trọng trong quản lý hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã. Phần đông khách du lịch chưa có đầy đủ kiến thức và hành vi ứng xử với động vật hoang dã, dẫn đến đã có nhiều hành động gây ảnh hưởng đến các loài động vật như gây ra tiếng ồn... Tuy nhiên, nhờ có hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn tại VQG Cát Tiên đã cung cấp hay thông báo cho khách du lịch về một số điều nên và không nên thực hiện trong quá trình tham quan động vật hoang dã ở VQG Cát Tiên. Theo kết quả phỏng vấn có 86,5% lực lượng kiểm lâm và cán bộ của Trung tâm GDMT&DV cho rằng công tác diễn giải ngày càng cho thấy hiệu quả trong thực tiễn, khách du lịch được cung cấp thông tin, có những hành vi ứng xử phù hợp với động vật đồng thời góp phần quan trọng trong việc quản lý của Ban quản lý VQG Cát Tiên. Theo đó các hành vi ứng xử phù hợp đối với động vật hoang dã như đi lại, tham quan trong khu vực cho phép (89,6%), không gây tiếng ồn, hò hét lớn (80,3%), không chụp ảnh, quay phim động vật hoang dã (72,1%)... Ngoài ra, theo kết quả khảo sát một số hành vi được cho là chưa phù hợp với động vật hoang dã như gây tiếng ồn, cho động vật hoang dã thức ăn, lại gần động vật hoang dã...

### **Giáo dục nhận thức cho khách du lịch về động vật hoang dã**

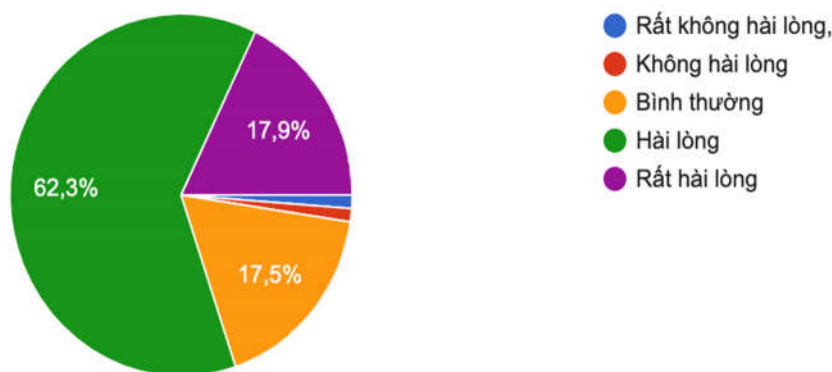
Một trong những vai trò quan trọng của diễn giải trong hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã ở VQG Cát Tiên là giáo dục nhận thức cho khách du lịch về động vật hoang dã. Thông qua diễn giải về các loài động vật hoang dã, mức độ quý hiếm và nguy cấp của các loài này ở Việt

Nam thông qua các hình ảnh, các bài thuyết minh, diễn giải tác động đến nhận thức của khách du lịch, điều chỉnh hành vi và thái độ ứng xử của họ đến động vật hoang dã. Theo khảo sát thực tế, 90% hướng dẫn viên của VQG Cát Tiên cho biết, hệ thống diễn giải cùng sự thuyết minh của hướng dẫn giúp khách du lịch hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của các loài động vật hoang dã ở Việt Nam. Theo kết quả khảo sát có hơn 91% khách du lịch cho rằng họ có thể hiểu được tập tính của một số loài động vật đặc hữu của VQG Cát Tiên như vượn, bò tót, nai, lợn rừng... Đồng thời, 85,3% khách du lịch được tuyên truyền về việc sử dụng và buôn bán động vật hoang dã trái phép. Từ những tác động về nhận thức của hoạt động diễn giải môi trường, mà khách du lịch đến VQG Cát Tiên ngày càng có trách nhiệm hơn trong việc bảo tồn các loài động vật hoang dã.

Khách du lịch đến với VQG Cát Tiên ngày càng đông hơn, đặc biệt trong bối cảnh hậu dịch COVID-19, người dân có nhu cầu tham quan, tìm hiểu về thiên nhiên, về động vật hoang dã ngày càng nhiều. Do vậy, trước nhu cầu ngày càng tăng của khách du lịch, VQG Cát Tiên cần chú trọng hơn công tác diễn giải môi trường đặc biệt trong hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã, bởi lẽ diễn giải góp phần to lớn trong việc nâng cao nhận thức của khách du lịch đối với công tác bảo tồn động vật hoang dã tại VQG Cát Tiên.

### **Nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách du lịch thăm động vật hoang dã**

Ngoài ra, diễn giải còn góp phần quan trọng trong nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách du lịch thăm động vật hoang dã. Khách du lịch được cung cấp thông tin chỉ dẫn, thông tin nhận biết về các loài động thực vật tại VQG Cát Tiên. Theo khảo sát thực tế có 62,3% khách du lịch hài lòng về diễn giải môi trường, 17,9% khách du lịch rất hài lòng và 17,5% khách du lịch cảm thấy bình thường về dịch vụ diễn giải môi trường trong du lịch thăm động vật hoang dã tại VQG Cát Tiên.



**Hình 2. Đánh giá về sự hài lòng của khách du lịch với diễn giải môi trường trong du lịch thăm động vật hoang dã tại VQG Cát Tiên**  
(Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2023)

Thông qua diễn giải môi trường, khách du lịch dễ dàng nắm bắt được các thông tin về đa dạng sinh học của Vườn quốc gia một cách chủ động, đồng thời cũng kích thích sự tò mò, tìm hiểu của khách du lịch, đặc biệt là nhóm đối tượng khách trẻ em, học sinh, sinh viên. Hệ thống biển báo chỉ dẫn về đường đi, vị trí các điểm tham quan giúp khách du lịch tự do lựa chọn các điểm đến và thực hiện chuyến đi riêng của mình, mang đến trải nghiệm tốt hơn cho khách du lịch.

Nhận xét chung, VQG Cát Tiên đã và đang duy trì được các hoạt động diễn giải và giáo dục về bảo vệ môi trường và bảo tồn động vật hoang dã với nhiều hình thức nhằm khuyến khích khách du lịch tham gia gồm các thông tin diễn giải tại điểm, chương trình liên kết với trường học cho học sinh, sinh viên, các tờ rơi giới thiệu, tuyển tình nguyện viên hàng năm cả trong nước và quốc tế và trang facebook cập nhật đều đặn các hoạt động và chiến dịch bảo vệ môi trường của Vườn. Tuy vậy, còn một số hạn chế trong công tác này, như việc quản lý dữ liệu thống kê và báo cáo về thông tin diễn giải còn chưa chặt chẽ thể hiện qua thiết kế các biển giới thiệu, hướng dẫn, nội quy chưa đồng bộ và chưa được cập nhật. Các quy định, nội quy về bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật hoang dã chưa được quy chuẩn thành văn bản trong các hợp đồng liên kết với đối tác thuê dịch vụ môi trường rừng và các dịch vụ du lịch (nhà hàng, bên cho thuê lều trại, cho thuê xe đạp, Forest Floor...). Hệ

thống biển báo chỉ dẫn chủ yếu được tài trợ bởi các tổ chức hoặc thông qua các dự án về bảo tồn động vật hoang dã, bảo vệ môi trường nên không đồng nhất về mặt thiết kế, cũng như vật liệu xây dựng. Nhiều hình ảnh và nội dung được trình bày còn phức tạp và chưa đạt hiệu quả về tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho khách du lịch.

### 3.4. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả diễn giải môi trường trong du lịch thăm động vật hoang dã tại VQG Cát Tiên

**Thiết lập số liệu thống kê số lượng biển báo/biển cảnh báo/biển cấm và bảng thông tin diễn giải hiện có theo từng phân khu và đường mòn**

Việc thống kê số lượng biển báo, biển diễn giải thông tin sẽ là cơ sở quan trọng để theo dõi, và kiểm tra hiệu quả sử dụng của các biển báo này. Trường hợp hệ thống biển báo kém hiệu quả, VQG Cát Tiên cần có phương án trong việc xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, thay thế các biển báo, diễn giải thông tin phù hợp và mang đến hiệu quả sử dụng cao nhất.

**Thiết kế đồng bộ cho tất cả các loại biển báo và thông tin diễn giải rõ ràng, dễ hiểu và hấp dẫn khách du lịch tham quan tìm hiểu**

Thiết kế và đồng bộ các hệ thống diễn giải ở VQG Cát Tiên là một trong những yêu cầu rất cần thiết, việc thiết kế đồng bộ giúp nhận diện thương hiệu, mang đến một hình ảnh chuyên nghiệp hơn trong mắt khách du lịch. Hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, diễn giải thông tin được



thiết kế cùng kiểu, đồng nhất về màu sắc và sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường chắc chắn sẽ là những điểm thu hút cho hoạt động du lịch của VQG Cát Tiên.

***Xây dựng và cập nhật tài liệu hướng dẫn diễn giải chuẩn dành cho hướng dẫn viên và các nhân viên trong Vườn***

Bên cạnh hệ thống diễn giải thông tin, việc thuyết minh, diễn giải của con người là rất quan trọng. Do vậy, VQG Cát Tiên cần xây dựng các tài liệu, hướng dẫn về diễn giải về môi trường, thông tin về các loài và tập tính của từng loài động vật hoang dã để trang bị cho đội ngũ hướng dẫn viên những kiến thức về thực hiện diễn giải. Hướng dẫn viên thông qua bài trình bày mang đến những cảm nhận chân thực hơn cho khách du lịch về động vật hoang dã, về môi trường và tài nguyên rừng của VQG Cát Tiên. Các tài liệu diễn giải cần được liên tục cập nhật và được thiết kế một cách dễ hiểu, với ngôn từ xúc tích và dễ truyền đạt đến người nghe, khách du lịch.

***Phát triển lực lượng hướng dẫn viên về số lượng và chất lượng***

Lực lượng nhân viên làm du lịch nói chung và hướng dẫn viên của VQG Cát Tiên nói riêng hiện nay chủ yếu là các cán bộ kiểm lâm hoặc cán bộ quản lý tài nguyên với kinh nghiệm và kiến thức về tài nguyên thiên nhiên, mà họ có thể thực hiện công việc như một người hướng dẫn viên du lịch. Do xuất phát không phải là những người được đào tạo bài bản về hướng dẫn viên du lịch, nên trình độ và kỹ năng của lực lượng hướng dẫn viên của VQG Cát Tiên còn nhiều hạn chế. VQG Cát Tiên cần tập trung phát triển lực lượng hướng dẫn viên cả về số lượng và chất lượng. Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho đội ngũ hướng dẫn viên về các kỹ năng hướng dẫn, thuyết minh, kiến thức về đa dạng sinh học, động vật hoang dã, trang bị kiến thức về diễn giải môi trường.

***Phát triển các hệ thống diễn giải về động vật hoang dã đa dạng, hấp dẫn***

Không chỉ dừng lại ở việc xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn thông tin, diễn giải thông tin hay các tài liệu cung cấp thông tin, VQG Cát

Tiên cần nghiên cứu xem xét xây dựng một số các loại hình diễn giải mới và hấp dẫn như xây dựng các buổi biểu diễn, trình diễn động vật, tổ chức tham quan các loài động vật được nuôi nhốt trong môi trường bán tự nhiên. Ngoài ra, có thể ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động diễn giải như trình chiếu, hệ thống âm thanh tự động, màn hình động (touch screen) hoặc các ứng dụng/phần mềm bảo tàng, tour tham quan/xem thú thực tế ảo. Với các hoạt động diễn giải đa dạng hơn, chắc chắn sẽ là điểm hấp dẫn mới cho hoạt động du lịch của VQG Cát Tiên nói chung và hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã nói riêng.

**4. KẾT LUẬN**

VQG Cát Tiên là một trong những Vườn quốc gia đã và đang phát triển mạnh mẽ hoạt động du lịch thăm động vật hoang dã. Trong đó, diễn giải môi trường được cho là một hoạt động mang lại nhiều lợi ích trong công tác bảo tồn thiên nhiên, giáo dục môi trường, đồng thời cũng là một sản phẩm du lịch sinh thái hấp dẫn đối với khách du lịch. Trong tương lai với các định hướng trọng tâm về phát triển du lịch thăm động vật hoang dã, du lịch sinh thái, việc áp dụng các chính sách đầu tư và phát triển các sản phẩm diễn giải môi trường là một trong những yếu tố để gia tăng tính hấp dẫn du lịch, đa dạng hoá sản phẩm du lịch sinh thái, góp phần quan trọng trong nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, quản lý bảo vệ tài nguyên theo hướng bền vững tại VQG Cát Tiên.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Tilden, F. (1957). *Interpreting Our Heritage*. 3rd edn, North Carolina Press, Chapel Hill.  
[2]. Ham, S (1992). *Environmental Interpretation: A practical guide for people with big ideas and small budget*. North American Press, Golden, Colorado.  
[3]. Vườn Quốc Gia Cát Tiên (2020). *Phương án Quản lý và phát triển bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên*.  
[4]. Higginbottom, K (2004). *Wildlife Tourism: An Introduction*. In Higginbottom, K(Ed), *Wildlife tourism: Impacts, management and planning*. Gold Coast: Common Ground Publishing, CRC for Sustainable Tourism: 1-14.  
[5]. Moscardo, G., Woods, B. & Saltzer, R. (2004). *The Role of Interpretation in Wildlife Tourism*. In Higginbottom, K (Ed.), *Wildlife tourism: Impacts, management and planning* Gold Coast: Common Ground

Publishing, CRC for Sustainable Tourism: 231–251.

[6]. UNWTO (2020). Why Wildlife? Asia and the Pacific, truy cập ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại: <https://www.unwto.org/asia/unwto-chimelong-why-wildlife>

[7]. Shackley, M (1996). Wildlife Tourism. International Thomson Business Press, London.

[8]. Ashley, C & Roe, D. (1998). Enhancing Community Involvement in Wildlife Tourism: issues and challenges. Wildlife and Development series International Institute for Environment and Development, London, No.11.

[9]. Manfredi, M. J. (2002). Wildlife Viewing in North America: A management planning handbook. Oregon State University Press, Corvallis, Oregon.

[10]. WTTC (2019). The Economic impact of Global Wildlife Tourism. Travel & Tourism as an Economic tool for the protection of Wildlife.

[11]. Higginbottom, K. & Tribe, A. (2004). Contributions of Wildlife Tourism to Conservation. In Higginbottom, K (Ed.), Wildlife tourism: Impacts, management and planning Gold Coast: Common Ground Publishing, CRC for Sustainable Tourism: 99 – 123.

[12]. Reynolds, P. C. & Braithwaite, D. (2001). Towards a conceptual framework for wildlife tourism. Tourism Management. 22(1): 31-42

[13]. Granquist, S. M. & Sigurjonsdottir, H. (2014). The effect of land based seal watching tourism on the haul-out behaviour of harbour seals (*Phoca vitulina*) in Iceland. Applied Animal Behaviour Science. 156: 85-93.

[14]. Green, R. & Giese, M. (2004). Negative Effects of Wildlife Tourism on Wildlife. In Higginbottom, K. (Ed.), Wildlife tourism: Impacts, management and planning. Gold Coast: Common Ground Publishing, CRC for Sustainable Tourism: 81 – 97.

[15]. Higham, J. E. S. (1998). Tourists and albatrosses: the dynamics of tourism at the Northern Royal Albatross colony, Taiaroa Head, New Zealand. Tourism Management. 19(6): 521- 531.

[16]. Screven, C. (1995). Visitor based exhibit planning: A question of survival. In Evaluation and Visitor Research in Museums Conference Proceedings, Powerhouse Museum, Sydney.

[17]. Bright, A. & Pierce, C.L. (2002). Information and education for managing wildlife viewing. In M Wildlife viewing: A management handbook, ed. J. Manfredi, Oregon State University Press, Corvallis, Oregon.

[18]. Ballantyne, R., Packer, J. & Falk, J. (2011). Visitors' learning for environmental sustainability: Testing short-and long-term impacts of wildlife tourism experiences using structural equation modelling. Tourism Management. 32(6): 1243-1252.

[19]. Hughes, K. (2013). Measuring the impact of viewing wildlife: do positive intentions equate to long-term changes in conservation behaviour?. Journal of Sustainable Tourism. 21(1): 42-59.

[20]. Jacobs, M. H. & Harms, M. (2014). Influence of interpretation on conservation intentions of whale tourists. Tourism Management. 42: 123-131

[21]. Orams, M. B. (1997). The effectiveness of environmental education: can we turn tourists into "greenies"?. Progress in tourism and hospitality research. 3(4): 295-306.

[22]. Ham, S. & Weiler, B. (2002). Tour Guide Training: A Model for Sustainable Capacity Building in Developing Countries. Journal of Sustainable Tourism, 10(1), in press.

[23]. McArthur, S. & Hall, C.M. (1993). Visitor management and interpretation at heritage sites in Heritage management in New Zealand and Australia, eds. C.M. Hall and S. McArthur, Oxford University Press, Auckland.

[24]. Moscardo, G. (1998). Interpretation and sustainable tourism: Functions, examples and principles. Journal of Tourism Studies. 9(1): 2-13.

[25]. Gray, G.G. (1993). Wildlife and people. University of Illinois Press, Urbana, Illinois.

[26]. Larson, R.A. (1995). Balancing wildlife viewing with wildlife impacts: A case study in Wildlife and recreationists, eds. R.L. Knight and K.J. Gutzwiller, Island Press, Washington, D.C.

[27]. White. T.G & Jacobson. S.K (1994). Evaluating Conservation Education Programs at a South American Zoo. Journal of Environmental Education. 25(4): 18-22.

[28]. Kreger, M.D. & Mench, J.A. (1995). Visitor-animal interactions at the zoo. Anthrozoos. 8(3): 143-158.

[29]. Foxlee, J. (1999). Whales and interpretive tales. Unpublished Honours Thesis, James Cook University, Townsville.

[30]. Phan Thi Thuy Linh & Schott C. (2018). Visitor satisfaction with services for environmental interpretation in Cat Tien National Park, Vietnam. Asia Pacific CHRIE Conference.

[31]. Vườn Quốc gia Cát tiên (2021). Dự thảo Đề án Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia Cát Tiên.